



hù lǐ
护理

Verb · Nursing / Care

Example Sentences

tā měi tiān hù lǐ bìng rén
她每天护理病人。

She takes care of patients every day.

nǐ dǎ suàn rú hé hù lǐ zhè xiē jiāo guì de shì nèi zhí wù ne
你打算如何护理这些娇贵的室内植物呢？

How do you plan to care for these delicate indoor plants?

hù shì zài yī yuàn lǐ hù lǐ shòu shāng dī shì bīng
护士在医院里护理受伤的士兵。

Nurses care for injured soldiers in the hospital.

Trace each character, then write the word on your own.

护	护	护	护	护	护	护	护	护	护
理	理	理	理	理	理	理	理	理	理
理	理	理							